

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2018

V/v “tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình - ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Th
àn** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**
h phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.
2. Ông Lý Đạt Thành.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên toà:*** không tham gia.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: số 29, đường N, ấp Đ, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. ***Bị đơn:*** anh **Dương Thanh N**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 22/3/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: sau thời gian tự tìm hiểu, tôi và anh Dương Thanh N tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 23/02/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung tên Dương Thị Kim Th, sinh ngày 26/8/2015 và Dương Nguyễn Thành P, sinh ngày 30/7/2017. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con và thường xuyên vắng nhà không rõ lý do nên tôi với anh N không còn sống chung từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm giữa tôi với anh N mâu thuẫn trầm trọng nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về quan hệ con chung: hiện tại cháu Th và cháu P đang sống chung với tôi. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về phía bị đơn anh Dương Thanh N: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh N, nhưng anh đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Thanh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Dương Thanh N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, anh N đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về nội dung: chị Nguyễn Thị Kim T với anh Dương Thanh N chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 15, quyển số 01/2012, ngày 23/02/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh N phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, thấy rằng: chị T với anh N chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, chị T cho rằng anh N không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và thường bỏ nhà đi nên mâu thuẫn giữa chị với anh N ngày càng gay gắt và không còn sống chung từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay.

Về phía anh N, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, tạo điều kiện cho anh hàn gắn tình cảm vợ chồng

với chị T. Tuy nhiên, anh N không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

[5] Về quan hệ con chung: chị T với anh N có 02 con chung tên Dương Thị Kim Th, sinh ngày 26/8/2015 và Dương Nguyễn Thành P, sinh ngày 30/7/2017. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và cháu P, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con chưa thành niên; cháu T và cháu P đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của các cháu, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T; giao cháu T và cháu P cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: chị T xác định không có nợ chung.

[8] Do chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Dương Thanh N.

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Dương Thị Kim Th, sinh ngày 26/8/2015 và Dương Nguyễn Thành P, sinh ngày 30/7/2017.

+ Giao cháu Dương Thị Kim Th và Dương Nguyễn Thành P cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Th và cháu P đang sống chung với chị T).

+ Chị Nguyễn Thị Kim T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Kim T và anh Dương Thanh N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000957 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hân Em